

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 549/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Dòn

2. Ông Lại Hữu Tâm

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Trọng Tường - *Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.*

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 242/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 238/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị Y, sinh năm 1985

Địa chỉ: 126 Lê Thị Ngay, ấp 1, xã C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Y vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. **Bị đơn:** Ông Phan Văn Trí E, sinh năm 1981

Địa chỉ: A3/16 ấp 1A, xã C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ông E vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 14/11/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Y và ông Phan Văn Trí E bắt đầu chung sống từ năm 2006, do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 31/5/2006 theo giấy chứng nhận kết hôn số 91, quyển số 01/2006. Trong thời gian đầu chung sống, vợ chồng sống rất hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì xảy ra. Đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là

do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi vã, ông E không quan tâm chăm lo cho gia đình. Bà Y và ông E bắt đầu sống ly thân từ khoảng tháng 01 năm 2021 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên Bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Văn Trí E.

Về con chung: Quá trình chung sống, Bà Y và ông E có 02 con chung tên Phan Thị Tường V, sinh ngày 01/3/2007 và Phan Thiên N, sinh ngày 04/10/2016. Khi ly hôn Bà Y yêu cầu được nuôi dưỡng cháu cháu Phan Thị Tường V và cháu Phan Thiên N, Bà Y không yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Y xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Y xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Phan Văn Trí E tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Phan Văn Trí E vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thể hiện ý kiến của mình đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bằng bất cứ văn bản nào.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa Em biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và Em biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Y khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Phan Văn Trí E. Đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận “*Ông Phan Văn Trí E, sinh năm: 1981 có đăng ký hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại địa chỉ A3/16 ấp 1A, xã C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh*”.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Y có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, còn bị đơn ông Phan Văn Trí E đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để

tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 91, quyển số 01/2006 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/5/2006 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Y và ông Phan Văn Trí E là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Theo trình bày của Bà Y thì bà xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa bà và ông E là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi vã, ông E không quan tâm chăm lo cho gia đình. Còn ông Phan Văn Trí E vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của Bà Y.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, Tòa án đã tiến hành tham khảo ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về gia đình về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân phát sinh tranh chấp và nguyện vọng của vợ, chồng có liên quan đến vụ án nhưng không thu thập được, điều này được thể hiện qua công văn số 1016/UBND ngày 18/3/2024 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời cho Tòa án về thông tin xác minh tình trạng hôn nhân giữa Bà Y, ông E.

Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân muốn có hạnh phúc thì phải bắt đầu từ tình cảm cả hai phía. Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Theo xác nhận của Bà Y thì bà xác định bà đã không còn tình cảm với ông E, giữa Bà Y và ông E đã có một thời gian tương đối dài sống ly thân, điều này cho thấy ông E đã không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân, không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với Bà Y.

Như vậy, Bà Y và ông E đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng. Tình trạng hôn nhân giữa Bà Y và ông E đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Y là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Bà Y và ông E có 02 (hai) con chung tên Phan Thị Tường V, sinh ngày 01/3/2007 và Phan Thiên N, sinh ngày 04/10/2016. Khi ly hôn,

Bà Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ V và trẻ N. Còn ông E vắng mặt không thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu về con chung.

Xét thấy, trẻ V và trẻ N hiện đang sống chung với Bà Y. Đồng thời, trẻ V và trẻ N đều có nguyện vọng sống chung với Bà Y. Còn ông E vắng mặt trong suốt quá trình Tòa giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến, nguyện vọng của mình về con chung. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của trẻ, đảm bảo sự ổn định cuộc sống, tinh thần cho các con sau khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử giao trẻ V và trẻ N cho Bà Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Y không yêu cầu ông E thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phan Văn Trí E có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.4] Về tài sản chung: Bà Y xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ông E vắng mặt không thể hiện ý kiến của ông về tài sản chung giữa ông và Bà Y. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề tài sản chung theo yêu cầu của Bà Y, Tòa án không đặt ra để giải quyết trong vụ án này, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[3.5] Về nợ chung: Bà Y xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ông E vắng mặt không thể hiện ý kiến của ông về nợ chung giữa ông và Bà Y. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề nợ chung theo yêu cầu của Bà Y, Tòa án không đặt ra để giải quyết trong vụ án này, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[3.6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Huỳnh Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Y đối với bị đơn ông Phan Văn Trí E về việc tranh chấp ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Y được ly hôn với ông Phan Văn Trí E.

Giấy chứng nhận kết hôn số 91, quyền số 01/2006 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/5/2006 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Giao trẻ Phan Thị Tường V, sinh ngày 01/3/2007 và trẻ Phan Thiên N, sinh ngày 04/10/2016 cho bà Huỳnh Thị Y nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị Y không yêu cầu ông Phan Văn Trí E thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phan Văn Trí E có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3. Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị Y xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị Y xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Y phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà Bà Y đã nộp theo biên lai thu số 0033166 ngày 25/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Huỳnh Thị Y đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- UBND xã Cĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh,
Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ, VP (3).

Ngô Thị Thùy Dương

